

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 163/2024/DS-ST
Ngày: 28-6-2024
V/v tranh chấp dân sự
hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Rõ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Phương và ông Đặng Anh Đoan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hiếu là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2024/TLST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2024 về tranh chấp dân sự hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 290/2024/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 151/2024/QĐST-DS ngày ngày 11 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần K

Địa chỉ: 4 P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Trần Ngọc M – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Trần Thanh V, sinh năm 1983 – Chuyên viên Xử lý nợ khu vực - Phòng xử lý nợ - Ngân hàng Thương mại cổ phần K (theo QĐ uỷ quyền số 152/QĐ-NHKL ngày 16/01/2024).

Bị đơn:

1. Bà Võ Thị Lệ T, sinh năm 1964;

Nơi cư trú: Ấp Bình Phú 1, xã Phú Bình, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang

2. Ông Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1964, chết ngày 01/9/2021

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Thanh T1

2.1 Chị **Nguyễn Thị Mỹ T2 (Q)**, sinh năm 1986

Nơi cư trú: **Ấp B, xã P, huyện P, tỉnh An Giang**

2.2 Anh **Nguyễn Phú T3**, sinh năm 1991

2.3 Chị **Nguyễn Thị Anh T4**, sinh năm 2003

2.4 Bà **Võ Thị Lệ T**, sinh năm 1964 (đồng thời là bị đơn)

Cùng nơi cư trú: **Ấp B, xã P, huyện P, tỉnh An Giang**

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Cháu **Huỳnh Long T5**, sinh năm 2010

2. Cháu **Nguyễn Huỳnh Duy T6**, sinh năm 2013

*Người đại diện hợp pháp của cháu **T5** và cháu **T6** là chị **Nguyễn Thị Mỹ T2 (Q)**, sinh năm 1986; Nơi cư trú: **Ấp Bình Thành, xã Phú Bình, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang***

3. Cháu **Nguyễn Phú T7**, sinh năm 2018 (con anh **T3**)

4. Cháu **Nguyễn Thị Kim T8**, sinh năm 2016 (con anh **T3**)

5. Cháu **Nguyễn Phú Trung T9**, sinh năm 2014 (con anh **T3**)

*Người đại diện hợp pháp của cháu **T7**, cháu **T8** và cháu **T9** là anh **Nguyễn Phú T3**, sinh năm 1991; nơi cư trú: **Ấp B, xã P, huyện P, tỉnh An Giang***

*(Ông **Trần Thanh V** có mặt, đương sự còn lại vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 31/10/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Nguyên ông **Nguyễn Thanh T1**, bà **Võ Thị Lệ T** có đến **Ngân hàng K** (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) vay tổng số tiền 220.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi triệu đồng) theo Hợp đồng tín dụng từng lần số 55/21/HĐTD/1202-9138 ngày 21/01/2021 cụ thể như sau: Số tiền vốn vay: 220.000.000 đồng (Hai trăm, hai mươi triệu đồng); mục đích vay: bổ sung vốn chăn nuôi bò vỗ béo, thời hạn vay: 12 tháng, kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên, ngày giải ngân: 22/01/2021. Lãi suất vay: 11.1%/năm áp dụng đối với các kế ước nhận nợ giải ngân trong vòng 03 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng này. Các kế ước nhận nợ giải ngân sau thời gian này, lãi suất vay bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng, lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng tại thời điểm thay đổi lãi suất (+) biên độ 3.8%/năm và không được thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu hiện hành của biểu lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân (cùng loại hình thức và phương thức cho vay). Lãi suất vay được cố định trong 03 tháng kể từ ngày giải ngân theo từng kế ước nhận nợ. Lãi suất nợ quá hạn: bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Mức phạt chậm trả lãi: 10%/năm. Hình thức thanh toán: lãi trả 06 tháng/lần, gốc trả cuối kỳ.

Để bảo đảm khoản vay, ông T1 và bà T đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 55/21/HĐTC-BĐSD/1202-9138 ngày 21/01/2021 được công chứng tại Phòng C, tỉnh An Giang, địa chỉ số B, đường T, khóm L, phường L, Thị xã T, tỉnh An Giang, tài sản thế chấp bảo đảm là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận số U310595, số vào sổ cấp GCN 03030 QSDD/qC do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 18/02/2002. Tổng diện tích 630.6 m² mục đích sử dụng: đất thổ cư (378.5 m²), đất AO (252.1 m²). Tọa lạc tại xã P, huyện P, tỉnh An Giang. Đứng tên ông Nguyễn Thanh T1, bà Võ Thị Lệ T. Tài sản thế chấp nêu trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đ chi nhánh huyện P, tỉnh An Giang ngày 21/01/2021. Trong quá trình vay vốn, ông Nguyễn Thanh T1, bà Võ Thị Lệ T liên tục vi phạm hợp đồng, không thanh toán nợ cho Ngân hàng khi đến hạn, Ngân hàng đã nhiều lần: 30 thông báo, nhắc nhở nhưng ông Nguyễn Thanh T1, bà Võ Thị Lệ T không thanh toán nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng và hiện tại hợp đồng đã quá hạn thanh toán nhưng ông Nguyễn Thanh T1, bà Võ Thị Lệ T vẫn chưa thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

Tính đến ngày 28/6/2024, ông Nguyễn Thanh T1, bà Võ Thị Lệ T còn nợ Ngân hàng vốn gốc: 220.000.000 đồng; lãi trong hạn: 12.310.356 đồng, lãi quá hạn: 189.116.274 đồng, tiền phạt chậm trả lãi: 2.994.958 đồng. Tổng cộng: 324.421.588 đồng.

Căn cứ Hợp đồng tín dụng từng lần số 55/21/HĐTD/1202-9138 ngày 21/01/2021 được ký kết giữa Ngân hàng K – Phòng G với ông Nguyễn Thanh T1, bà Võ Thị Lệ T;

Căn cứ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 55/21/HĐTC-BĐSD/1202-9138 ngày 21/01/2021 được ký kết giữa Ngân hàng K – Phòng G với ông Nguyễn Thanh T1, bà Võ Thị Lệ T.

Căn cứ các quy định của pháp luật hiện nay Ngân hàng có đơn khởi kiện yêu cầu yêu cầu như sau:

Yêu cầu ông Nguyễn Thanh T1 và Võ Thị Lệ T trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 28/6/2024 là 324.421.588 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 55/21/HĐTC-BĐSD/1202-9138 ngày 21/01/2021 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần K – Phòng G với ông Nguyễn Thanh T1 và bà Võ Thị Lệ T. Trường hợp ông T1 và bà T không trả hoặc trả không dứt nợ trong thời gian thỏa thuận hoặc khi bản án có hiệu lực thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thanh toán nợ cho Ngân hàng, tài sản bảo đảm gồm: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận số U310595, số vào sổ cấp GCN 03030QSDD/qC do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 18/02/2002. Tổng diện tích 630.6 m² mục đích sử dụng: đất thổ cư (378,5 m²), đất AO (252.1 m²). Tọa lạc tại xã P, huyện P, tỉnh An Giang đứng tên ông Nguyễn Thanh T1 và bà Võ Thị Lệ T.

Tại bản tự khai ngày 25/3/2024 bà **Võ Thị Lệ T** và anh **Nguyễn Phú T3** thống nhất với yêu cầu của nguyên đơn, hiện nay còn nợ gốc của nguyên đơn 220.000.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 6.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật, đối với bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt khi xét xử không rõ lý do, cho thấy với chưa chấp hành theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc bị đơn bà **Võ Thị Bích T10**, đồng thời là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông **T1** và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông **Nguyễn Thanh T1** gồm bà **Nguyễn Thị Mỹ T2**, ông **Nguyễn Phú T3** và bà **Nguyễn Thị Anh T4** có trách nhiệm trả số tiền 324.421.588 đồng (tạm tính đến ngày 28/6/2024) và tiếp tục trả lãi phát sinh theo thoả thuận cho đến khi thanh toán dứt nợ trong phạm vi di sản do ông **Nguyễn Thanh T1** để lại.

- Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 55/21/HĐTC-BDS/1202-9138 ngày 21/01/2021 được công chứng tại **Phòng C**. Trường hợp ông **T1** và bà **T10** không trả hoặc trả không dứt nợ trong thời gian thoả thuận hoặc khi bản án có hiệu lực thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thanh toán nợ cho Ngân hàng, tài sản bao gồm: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận số U310595, số vào sổ cấp GCN 03030QSDD/qC do **Ủy ban nhân dân huyện P** cấp ngày 18/02/2002. Tổng diện tích 630.6 m² mục đích sử dụng: đất thổ cư (378,5 m²), đất AO (252.1 m²). Toạ lạc tại **xã P, huyện P, tỉnh An Giang** đứng tên ông **Nguyễn Thanh T1** và bà **Võ Thị Lệ T**.

- Về chi phí tố tụng và án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo nội dung đơn khởi kiện nộp ngày 31/10/2023 và tại phiên tòa, Ngân hàng yêu cầu ông **Nguyễn Thanh T1** và bà **Võ Thị Lệ T** liên đới trả cho Ngân hàng vốn vay và lãi tính theo Hợp đồng tín dụng từng lần số 55/21/HĐTD/1202-9138 ngày 21/01/2021 đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Ông **T1** và bà **T** có nơi cư trú tại **ấp B, xã P, huyện P, tỉnh An Giang** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An

Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án nhân dân huyện Phú Tân đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, vì thế Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên Tòa án xét xử vắng mặt những người nêu trên theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Thanh T1 và bà Võ Thị Lệ T liên đới trả nợ gốc và nợ lãi của Hợp đồng tín dụng từng lần số 55/21/HĐTD/1202-9138 ngày 21/01/2021 tiền vốn 220.000.000 đồng (Hai trăm, hai mươi triệu đồng); lãi từ ngày 22/01/2021 đến ngày xét xử (28/6/2024) là 104.421.588 đồng, đồng thời tiếp tục yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày 29/6/2024 đến khi trả dứt nợ theo hợp đồng tín dụng hạn mức.

Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 55/21/HĐTC-BDS/1202-9138 ngày 21/01/2021 được công chứng tại Phòng C. Trường hợp ông T1 và bà T không trả hoặc trả không dứt nợ trong thời gian thoả thuận hoặc khi bản án có hiệu lực thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thanh toán nợ cho Ngân hàng, tài sản bao gồm: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận số U310595, số vào sổ cấp GCN 03030QSDD/qC do UBND huyện P cấp ngày 18/02/2002. Tổng diện tích 630.6 m² mục đích sử dụng: đất thổ cư (378,5 m²), đất AO (252.1 m²). Toạ lạc tại xã P, huyện P, tỉnh An Giang đứng tên ông Nguyễn Thanh T1 và bà Võ Thị Lệ T.

[3.2] Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng từng lần số 55/21/HĐTD/1202-9138 ngày 21/01/2021 giữa hai bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện thoả thuận với nhau, được lập thành văn bản là phù hợp với Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 319, 463, 466 Bộ luật Dân sự nên hợp đồng nêu trên phát sinh hiệu lực. Căn cứ giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 22/01/2021 và thừa nhận nợ của bà Võ Thị Lệ T, anh Nguyễn Phú T3 đủ căn cứ xác định ông T1 và T có nhận số tiền vay 220.000.000 đồng của Ngân hàng. Sau khi vay đến ngày 22/7/2021 ông T1 bà T đóng lãi trong hạn 12.109.644 đồng. Từ ngày 22/7/2021 đến nay không đóng lãi cũng không trả vốn. Ông T1 và bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông T1 và bà T liên đới trả nợ gốc 220.000.000 đồng, là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận buộc bị đơn trả cho nguyên đơn vốn vay 220.000.000 đồng.

Ông T1 đã chết vào ngày 01/9/2021, nên người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông được xác định là bà Võ Thị Lệ T, bà Nguyễn Thị Mỹ T2, ông Nguyễn Phú T3 và bà Nguyễn Thị Anh T4. Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không có ý kiến hay văn bản từ chối nhận di sản của ông T1 để lại, cũng như không có thoả thuận khác. Vì vậy, bà T, bà T2, ông T3 và bà T4 vẫn phải có trách

nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại theo quy định tại Điều 615 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, đối với căn nhà thì các đương sự không có yêu cầu nên không đề cập xem xét; đối với yêu cầu xin trả hàng tháng thì không được đại diện Ngân hàng đồng ý nên không có căn cứ xem xét.

[3.3] Về yêu cầu trả lãi Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với tiền lãi của Hợp đồng tín dụng từng lần số 55/21/HĐTD/1202-9138 ngày 21/01/2021 nguyên đơn tạm tính đến ngày 28/6/2024 là 104.421.588 đồng . Trong đó lãi trong hạn 12.310.356 đồng (lãi suất 11.10%/năm); lãi chậm trả lãi 2.994.958 đồng (lãi suất 10%/năm); lãi chậm trả vốn 89.116.274 đồng (lãi suất 150% lãi suất cho vay trong hạn). Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nguyên đơn đã chuyển khoản nợ trên thành khoản nợ quá hạn từ ngày 22/01/2022. Việc nguyên đơn áp dụng mức lãi suất và yêu cầu bị đơn phải trả là phù hợp với khoản 2, khoản 3, Điều 2 của Hợp đồng tín dụng hạn mức và khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, 8, 12 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất nên Hội đồng xét xử chấp nhận buộc bị đơn trả lãi tạm tính đến ngày 28/6/2024 là 104.421.588 đồng và tiếp tục tính lãi từ ngày 29/6/2024 theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng hạn mức cho đến khi bị đơn thanh toán xong khoản nợ.

[3.4] Về tài sản thế chấp Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 55/21/HĐTC-BDS/1202-9138 ngày 21/01/2021 được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh huyện P vào ngày 21/01/2021 đúng quy định pháp luật nên phát sinh hiệu lực.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của bị đơn cần duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 55/21/HĐTC-BDS/1202-9138 ngày 21/01/2021 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần K – Phòng G với ông Nguyễn Thanh T1 và bà Võ Thị Lệ T. Trong trường hợp bị đơn không trả hoặc trả không dứt nợ trong thời gian thoả thuận hoặc khi bản án có hiệu lực thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật là quyền sử dụng diện tích đất 630.6 m² mục đích sử dụng: loại đất thổ cư (378.5 m²), đất AO (252.1 m²), thửa đất 26, 25, tờ bản đồ số 06, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U310595, số vào sổ cấp GCN 03030 QSDĐ/qC do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 18/02/2002 cho ông Nguyễn Thanh T1 và bà Võ Thị Lệ T để thu hồi nợ.

[3.5] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 900.000 đồng, yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu. Nguyên đơn đã nộp xong nên bị đơn phải hoàn trả lại nguyên đơn số tiền nêu trên.

[4] Về án phí sơ thẩm, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng

Căn cứ vào các Điều 463, 465, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần Kiên Long

1. Buộc bà **Võ Thị Lệ T**, bà **Nguyễn Thị Mỹ T2**, ông **Nguyễn Phú T3** và bà **Nguyễn Thị Anh T4** liên đới trả cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần K** số tiền nợ gốc 220.000.000 đồng, lãi tính đến ngày 28/6/2024 là 104.421.588 đồng. Tổng nợ gốc và lãi đến ngày 28/6/2024 là 324.421.588 (Ba trăm hai mươi bốn triệu bốn trăm hai mươi một nghìn năm trăm tám mươi tám đồng). Tiếp tục tính lãi kể từ ngày 29/6/2024 theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng từng lần số 55/21/HĐTD/1202-9138 ngày 21/01/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 55/21/HĐTC-BĐS/1202-9138 ngày 21/01/2021 được ký kết giữa **Ngân hàng Thương mại cổ phần K – Phòng G** với ông **Nguyễn Thanh T1** và bà **Võ Thị Lệ T**. Trong trường hợp bị đơn không trả hoặc trả không dứt nợ trong thời gian thỏa thuận hoặc khi bản án có hiệu lực thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật là quyền sử dụng diện tích đất 630.6 m² mục đích sử dụng: loại đất thổ cư (378.5 m²), đất AO (252.1 m²), thửa đất 26, 25, tờ bản đồ số 06, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U310595, số vào sổ cấp GCN 03030 QSDĐ/qC do **Ủy ban nhân dân huyện P** cấp ngày 18/02/2002 cho ông **Nguyễn Thanh T1** và bà **Võ Thị Lệ T** để thu hồi nợ.

3. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 900.000 đồng bị đơn phải chịu, do **Ngân hàng Thương mại cổ phần K** đã nộp xong nên bị đơn phải hoàn trả lại **Ngân hàng Thương mại cổ phần K** số tiền nêu trên.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà **Võ Thị Lệ T**, bà **Nguyễn Thị Mỹ T2**, ông **Nguyễn Phú T3** và bà **Nguyễn Thị Anh T4** phải chịu án phí sơ thẩm là 16.221.000 đồng.

Ngân hàng Thương mại cổ phần K được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.240.000 đồng theo biên lai số 0006619 ngày 06/02/2024 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lý Thị Rỡ